

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRẦN VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Số: 11 /TB -YHCT

THÔNG BÁO

Về việc đề nghị báo giá

Loại hàng hoá: Mua sắm thiết bị y tế, hoá chất, vật tư xét nghiệm phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026-2027 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An.

Căn cứ nhu cầu khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An.

Hiện nay Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế, hoá chất, vật tư xét nghiệm phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026-2027. Danh mục chi tiết đính kèm (Phụ lục 01). Bệnh viện kính mời các đơn vị, công ty quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hoá theo danh mục trên.

Quý đơn vị, công ty điền thông tin và các loại giấy tờ, văn bản liên quan (nếu có) đến bệnh viện như sau:

- Bảng báo giá theo mẫu (Phụ lục 02).

1. Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 01 năm 2026 đến 16 giờ, ngày 16 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tin nhận báo giá:

- Khoa Dược Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An (Ds Ngoãn - 0944150500).

- Địa chỉ: số 44, Đoàn Hoàng Minh, Phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long.

3. Hình thức nhận báo giá: Bản Scan giấy hoặc bản cứng (có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp quý công ty) và file Excel.

Trân trọng!

Nơi nhận: *Thư*

- Các đơn vị, công ty;
- Lưu VT, KDBV





DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số: 41 /TB -YHCT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
I. THIẾT BỊ Y TẾ, HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM					
1	Băng cá nhân	Miếng	Nhà sx Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Băng được làm từ vải Viscose Polyamide co giãn, được tráng một lớp keo kẽm oxyd, acrylic tạo độ dính được tiệt trùng, không gây dị ứng.	40.000	
2	Băng keo hấp	Cuộn	Nhà sx Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước: 12mm x 55m	15	
3	Băng thun 3 móc	Cuộn	Kích thước: 10cm x 4,5m. Kết hợp sợi poly. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	190	
4	Băng cuộn	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO13485. Kích thước: 2,5cm x 5m Cấu tạo từ vải silk được tráng keo nóng chảy ZnO, acrylic. Lõi và nắp ngoài cuộn bằng nhựa.	3.000	
5	Bao vải huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	50	
6	Bơm tiêm nhựa 1ml + kim	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 1ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.5mm x 25mm .	100	

7	Bơm tiêm nhựa 3ml+ kim 25Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 3ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.5mm x 25mm .	6.000	
8	Bơm tiêm nhựa 5ml + kim 23Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 5ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.6mm x 25mm.	28.000	
9	Bơm tiêm nhựa 10ml + kim 23Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 10ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.6mm x 25mm màu xanh.	100	
10	Bơm tiêm nhựa 50ml đầu to	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 50ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt.	50	
11	Đèn hồng ngoại chân thấp	Bộ	- Đạt tiêu chuẩn ISO. - Công suất: 220V/250W. - Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn. - Chiều cao đèn: 40 - 50cm - Cổ định vị xoay linh động đến 360 độ. - Khoảng rộng 30cm + 30cm. - Đầu sứ E27 độ bền cao sử dụng nhiều bóng đèn. - Có Dimmer tăng giảm ánh sáng. - Bóng đèn 60W - 250W. - Bóng đèn hồng ngoại hiệu Greetmeed 220V/250W.	50	

12	Đèn hồng ngoại chân cao	Bộ	- Đạt tiêu chuẩn ISO. - Công suất: 220V/60W-250W. - Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn. - Dây nguồn: 2m8 - 3m. - Chiều cao đèn: 1m - 1,7m. - Cổ định vị xoay linh động đến 360 độ. - Khoảng rộng 30cm + 30cm. - Đầu sứ E27 độ bền cao sử dụng nhiều bóng đèn. - Có Dimmer tăng giảm ánh sáng. - Bóng đèn 60W - 250W. - Bóng đèn hồng ngoại hiệu Greetmeed 220V/250W.	65	
13	Bo huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	60	
14	Bông thấm nước	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Độ pH: 6.5~7.5. Thời gian hút nước: $\leq 3s$ Độ hút nước: $\geq$ gấp 16 lần Trọng lượng mất đi sau khi sấy $\leq 8\%$ Tính khuếch tán của chất dạ quang: đạt Thành phần: 100% bông tự nhiên Quy cách đóng gói: 1kg/bao	1.000	
15	Bồn hạt đậu (loại sâu 500ml)	Cái	- Dung tích: 500 ml ($\pm 5\%$) hoặc cao 5cm, dài 24cm. - Công dụng: dùng để đựng dung dịch - Chất liệu: inox 304, bóng sáng, không rỉ sét, an toàn trong môi trường bệnh viện; thiết kế dạng hạt đậu lòng sâu, bề mặt nhẵn, không sắc cạnh; dễ vệ sinh, có thể ngâm với dung dịch khử khuẩn và hấp tiệt trùng như các dụng cụ kim loại khác. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	10	

16	Bình kiềm (ống cắm pen)	Cái	- Công dụng: để bảo quản và đựng các sản phẩm dùng trong y tế như kèm, kéo - Chất liệu: Inox 304, bóng sáng, không rỉ sét. - Kích thước: đường kính 5cm, chiều cao gồm đáy 14cm. - Đặc tính kỹ thuật: Thiết kế chân đỡ tròn rộng chắc chắn. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	20	
17	Chỉ khâu tự tiêu	Tép	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chỉ Chromic 3/0, dài 75cm Được làm trong dung dịch muối Chromium làm tăng cầu liên phân tử giúp chỉ đề kháng với phân tổ dịch thể làm kéo dài thời gian tiêu hủy lên trên 90 ngày. Lực bền chắc được duy trì từ 10 đến 14 ngày, có thể lên đến 21 ngày.	2.000	
18	Chén chun (nhỏ)	Cái	- Công dụng: dùng để đựng dung dịch - Dung tích: Khoảng 200 ml (sai số $\pm 10\%$) hoặc 9.5 cm x 4.5 cm - Chất liệu: Inox 304, bóng sáng, không rỉ sét. - Đặc tính kỹ thuật: Kích thước nhỏ gọn, có thể ngâm với dung dịch khử khuẩn và hấp tiệt trùng như các dụng cụ kim loại khác. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	20	
19	Dây garrot	Sợi	Dùng thắt mạch. Chất liệu thun cotton, có khóa nhựa.	120	
20	Dây truyền dịch AF/C	Sợi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Ống dây làm từ nhựa PVC y tế, thành ống dây dẻo không bị gập thắt. Bộ màng lọc dịch kích thước 1,42cm, kích thước lỗ lọc 15 ul	300	

21	Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Bộ	- Chung loại: XRQ-1 - Chất liệu: Nhựa PVC - Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp gồm: 2 ống gân nhựa mỗi ống dài 100 cm (01 ống màu xanh, 01 ống màu trắng); 01 ống nối ba chạc (một chạc đường kính ngoài 21 mm gắn vừa mask thở, 2 chạc còn lại gắn vừa 2 ống gân nhựa nêu trên), trong ống nối có 2 bộ lọc.	150	
22	Dây cáp điện cực máy điện tim 3 cần 8	Sợi	Đạt tiêu chuẩn ISO Phụ kiện kết hợp với máy điện tim, monitor bệnh nhân để đo tín hiệu điện tim	45	
23	Dây dẫn oxy và mask thở	Sợi	Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn.	30	
24	Dây dẫn phun khí dung	Sợi	Kết nối với nguồn oxy từ bình hoặc hệ thống khí trung tâm, phun thuốc dạng sương qua đường mũi hoặc miệng điều trị về hô hấp.	125	
25	Mask (mặt nạ) thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Cái	- Chung loại: XQ-01 - Chất liệu: Nhựa PVC, trắng trong dẻo. Mask thở gồm: 01 chụp mask chuyên dùng cho buồng oxy cao áp và 01 dây chun. Bề mặt mask không có lỗ thông hơi, gắn vừa khít với mặt người bệnh, không có kẽ hở, kích thước mặt trong mask 12,5 x 7,5 x 6 cm (Dài x rộng x cao), đường kính bên trong lỗ nối 21mm.	2.500	
26	Dây châm cứu	Sợi	Phụ kiện kèm theo máy điện châm KWD-808 I. Gồm dây đầu tròn và dây đầu vuông	1.000	
27	Đầu cone vàng có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	2.000	
28	Đầu cone xanh có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	2.500	
29	Đè lưỡi gỗ tiết trùng	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	200	
30	Găng tay chưa tiết trùng các cỡ	Đôi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Găng tay khám được làm từ cao su. Dài (240 + 5mm)	76.000	

31	Găng tay tiệt trùng	Đôi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; số 6 ; 6.1/2; 7; 7.1/2. Găng tay không bột phẫu thuật, cao su vô trùng được khử trùng bằng phương pháp khử trùng bằng bức xạ gamma	10.000	
32	Gel siêu âm	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO	446	
33	Gel bôi trơn	Tuýp	Đạt tiêu chuẩn ISO Dùng trong nội soi, bôi trơn. Thành phần water, glycerin, Glycol...	25	
34	Giấy điện tim 3 cân 8 cm	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO	780	
35	Giấy in nhiệt size 57 mm	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO	20	
36	Giấy siêu âm trắng đen UPP 110S	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO	20	
37	Giấy y tế	Kg	TCCS	400	
38	Hộp chữ nhật (Dài 30 cm x rộng 20 cm x cao 6cm)	Hộp	- Dùng để đựng dụng cụ y tế như kiềm, kéo, chèn chun, gòn gạc,... - Kích thước: 30 × 20 × 6 cm (sai số ±5%). - Chất liệu: inox 304, bóng sáng, không rỉ sét - Cấu tạo: Hình chữ nhật, có nắp đậy kín, chắc chắn, dễ đóng/mở. - Yêu cầu kỹ thuật: Bề mặt nhẵn, không sắc cạnh, không nứt vỡ; độ bền tốt; dễ vệ sinh, lau chùi. Nắp đậy gài chắc chắn sẽ không làm dụng cụ rơi ra ngoài khi di chuyển, đảm bảo kín - Chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng. - Đóng gói: Đảm bảo an toàn trong vận chuyển. - Xuất xứ: Việt Nam hoặc nhập khẩu hợp pháp.	10	

39	Kéo cắt chỉ đầu tù 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO	10	
40	Kéo cắt chỉ đầu nhọn 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO	60	
41	Kềm kelly thẳng 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO	100	
42	Kim khâu cứu 3cm	Cây	Kim sắc, bén đường kính 0,30mm, chiều dài thân kim 25mm, được đựng trong bao bì kín một mặt giấy 1 mặt PE, tiệt trùng bằng khí EO. Hạn sử dụng 5 năm kể từ ngày sản xuất (thể hiện trực tiếp trên từng bao bì sản phẩm). Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	2.000.000	
43	Kim khâu cứu 4,5cm	Cây	Kim sắc, bén đường kính 0,30mm, chiều dài thân kim 30mm được đựng trong bao bì kín một mặt giấy 1 mặt PE, tiệt trùng bằng khí EO. Hạn sử dụng 5 năm kể từ ngày sản xuất (thể hiện trực tiếp trên từng bao bì sản phẩm). Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	4.000.000	
44	Kim khâu cứu 7cm	Cây	Kim sắc, bén đường kính 0,30mm, chiều dài thân kim 40mm được đựng trong bao bì kín một mặt giấy 1 mặt PE, tiệt trùng bằng khí EO. Hạn sử dụng 5 năm kể từ ngày sản xuất thể hiện trực tiếp trên từng bao bì sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, đạt CE .	1.800.000	
45	Kim khâu cứu 11,6 cm	Cây	Kim sắc, bén đường kính 0,30mm, chiều dài thân kim 75mm được đựng trong bao bì kín một mặt giấy 1 mặt PE, tiệt trùng bằng khí EO. Hạn sử dụng 5 năm kể từ ngày sản xuất thể hiện trực tiếp trên từng bao bì sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, đạt CE .	200.000	

Phân 2

46	Kim laser nội mạch (Bộ kim quang và kim luồn tĩnh mạch G22)	Bộ	- Sản phẩm đạt ISO 13485. - Sử dụng trong điều trị chiếu xạ laser nội mạch bằng laser He-Ne hoặc laser bán dẫn để chiếu xạ trong mạch máu. + Bộ kim quang gồm: tối thiểu các thành phần: - Khớp nối - Đầu sợi quang dẫn - Nắp bảo vệ - Sợi quang an toàn khi sử dụng trong mạch máu. - Không có chất gây sốt (non-pyrogenic). - Tương thích với bước sóng laser từ 532,8 nm đến 680 nm. + Kim luồng tĩnh mạch cỡ 22G. - Phù hợp sử dụng kết hợp với bộ kim quang. - Vô khuẩn, dùng một lần. - Đóng gói vô khuẩn, đảm bảo an toàn khi sử dụng. - Có hướng dẫn sử dụng theo quy định.	1.500	
47	Kim luồng tĩnh mạch số 18,20,24 (có cửa sổ)	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	
48	Kim rút thuốc số 16 G	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	
49	Kim rút thuốc số 23 G/ 1inch	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO. Khử trùng bằng khí EO, vô trùng, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.6mm x 25mm màu xanh.	100.000	
50	Kim đẩy chỉ (đầu bằng)	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước : ϕ 0,30 x 33mm dùng cho kim 23G	10.000	
51	Kim test đường huyết	Kim	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	450	
52	Khẩu trang giấy 4 lớp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100.000	
53	Lọ đựng nước tiểu	Lọ	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ nhựa PS 40ml có nhãn	3.500	

54	Máy châm cứu lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Phụ trợ dò tìm huyết trên cơ thể người - Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, sóng nén, sóng dao động lên xuống, sóng tắt mở - Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - 55Hz và bề rộng của bước sóng từ 0,6ms - Nguồn cung cấp 1 pha 220V / 50Hz hoặc pin 9V - Nguồn đầu vào: ít hơn 20 VA. - 6 kênh đầu ra, kích thích 12 điểm cùng 1 lúc - Điều chỉnh cường độ xung - Chức năng hẹn giờ: Từ 0~60 phút + 10%	500	
55	Máy đo huyết áp người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	
56	Máy đo huyết áp trẻ em	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	
57	Máy đo huyết áp điện tử	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	20	
58	Máy thử đường huyết (tại giường) + Que	Cái	Máy đo đường huyết có độ chính xác và ổn định cao; Đạt chứng nhận FDA Mỹ hoặc EC, ISO 13485:2016, đạt tiêu chuẩn quốc tế EN ISO 15197:2015	8	
59	Nhiệt kế (thủy ngân)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	25	
60	Ống phun khí dung Mũi họng	Cái	Dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200	
61	Ống hút nhót	Cái	Số 14; 16; (loại mềm) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	80	
62	Ống thông tiêu số 18	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	180	
63	Sonde dạ dày	Cái	Các số không nắp dài 125cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	60	

64	Sonde 2 nhánh	Cái	Các cỡ từ 12-20 ;có tráng silicon trong lòng ống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	30	
65	Sonde oxy 2 lỗ người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	270	
66	Tube citrat 0,38% 2ml	Tube	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	
67	Tube Chimie 5ml	Tube	Chất liệu PP, 5ml (12mm x 75mm) trung tính, nắp màu xám.	6.000	
68	Tube EDTA 5ml	Tube	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	12.000	
69	Tube Heparine 5ml	Tube	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	14.000	
70	Tube Eppendorf	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.000	
71	Sample cup 2,5 ml	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.000	
72	Túi đựng nước tiểu	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	220	
73	Túi hơi huyết áp người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	100	
74	Van huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	100	
75	Túi chườm nóng	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	
76	HAV-IgM	Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: $\geq 95\%$, độ đặc hiệu: $\geq 97\%$, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	50	
77	HEV-IgM	Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HEV trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: 95% , độ đặc hiệu: $\geq 97\%$, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	50	

78	HbsAg test nhanh	Test	Test được đóng trong túi riêng, hàn kín. Test có độ nhạy, độ đặc hiệu cao	150	
79	Anti HCV	Test	Độ nhạy: 99,53%, độ đặc hiệu: 99,64% có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của sản phẩm	600	
80	Anti HBs	Test	Định tính phát hiện HBsAb trong huyết tương hoặc huyết thanh Độ nhạy: 99,8% Độ đặc hiệu: 99,9%	500	
81	Bột TaLc	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Bột talc không mùi, không vị, mịn không lẫn tạp chất Hàm lượng: SiO ₂ >60% MgO >30%	2.640	
82	Camphor	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO tinh thể có màu trắng, không tạp chất. Điểm nóng chảy trong khoảng 174-180 độ C Độ tinh khiết > 96%	122	
83	Cồn 70 độ	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Đạt quy chuẩn an toàn của BYT: QCVN 6-3:2010/BYT. Hàm lượng Etanol ở 20 độ C: > 70% Được sản xuất từ nguyên liệu: C ₆ H ₁₂ O ₆ , Axit sunfuric, Xút, Ure, chất phá bọt và nước cất vừa đủ	4.000	
84	Cồn 90 độ	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Đạt quy chuẩn an toàn của BYT: QCVN 6-3:2010/BYT. Hàm lượng Etanol ở 20 độ C: > 90% Được sản xuất từ nguyên liệu: C ₆ H ₁₂ O ₆ , Axit sunfuric, Xút, Ure, chất phá bọt và nước cất vừa đủ	6.170	
85	Dầu PARAFIN	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Không mùi, tỉ trọng ở 29.5 độ C trong khoảng 0.82-0.88gm/cc	150	

86	Sáp PARAFIN	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Nóng chảy ở nhiệt độ 58-60 độ C.	1.233	
87	GLYCERIN	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Tinh khiết (99%), không màu, không lẫn tạp chất.	124	
88	Methyl Salicylate	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Không màu hoặc màu vàng rất nhạt có mùi thơm đặc trưng. Mật độ tương đối (relative denstive) trong ngưỡng 1.180-1.185. Hàm lượng kim loại nặng không quá 0.002%. Tan hoàn toàn trong cồn 70 độ với tỉ lệ 1:7 hoặc 2:10 với cồn 96 độ.	1.800	
89	Nước cất	Lít	Nước cất đã tiệt trùng đóng can nhựa, đạt tiêu chuẩn trong y tế	600	
90	Tinh dầu Bạc hà	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO không màu hoặc màu vàng nhạt. Hàm lượng tối thiểu 60%. Tan hoàn toàn trong cồn 70 độ với tỉ lệ 1:3.5 (1ml tinh dầu bạc hoà tan hoàn toàn trong 3.5ml cồn 70 độ)	366	
91	Tinh dầu Hoa hồng	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Màu vàng, có mùi hoa hồng đặc trưng	18	
92	Than hoạt tính	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Hàm lượng: - Chloride <0,3 - Zinc salt <0,007	90	
93	Que thử đường huyết	Que	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 sử dụng cho máy Vina Check	1.500	

94	Que thử nước tiểu	Que	Dùng để định tính và bán định lượng 10 thông số : Ascorbic acid, Blood, bilirubin, urobilinogen, ketone, glucose, protein, nitrite, leukocytes, Ph, tỉ trọng SG. Kết quả trên que có thể đọc bằng mắt thường hoặc trên máy. Sử dụng cho Máy xét nghiệm nước tiểu URSA-100. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.000	
95	Erythrosine	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	1	
96	TartazineBD	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	3	
97	Blue Patente BP	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	1	
98	Đường cát trắng	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	500	
99	Pressept (Biospot)	Viên	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	600	

II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM THEO MÁY

1. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động (Monarch - 300) - SAT 450

100	Creatinin	ml	Hóa chất dùng định lượng Creatinin trong máu. Phương pháp đo Jaffe Color Kinetic	7.000	
101	Ure	ml	Hóa chất dùng định lượng Ure trong máu. Phương pháp đo Kinetic	1.250	
102	Glucose	ml	Hóa chất dùng định lượng Glucose trong máu. Phương pháp đo GOD/PAP. Enz-Color	11.000	
103	AST/GOT	ml	Hóa chất dùng định lượng AST trong máu. Phương pháp đo Enzymatic - UV	2.750	
104	ALT/GPT	ml	Hóa chất dùng định lượng ALT trong máu. Phương pháp đo Enzymatic - UV	2.750	
105	Cholesterol	ml	Hóa chất dùng định lượng Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Chod/PAP. Enz-Color	6.500	

Handwritten signature

106	Triglycerid	ml	Hóa chất dùng định lượng Triglycerid trong máu. Phương pháp đo GOD/POD. Enz-Color	6.500	
107	HDL- Cholesterol	ml	Hóa chất dùng định lượng HDL Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Direct Enzymatic colorimetric	6.500	
108	LDL- Cholesterol	ml	Hóa chất dùng định lượng LDL Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Direct Enzymatic colorimetric	640	
109	Albumin	ml	Hóa chất định lượng Albumin trong máu. Phương pháp đo Enzymatic end point	500	
110	Protein	ml	Hóa chất định lượng Protein trong máu. Phương pháp đo Biuret.Colorimetric	500	
111	Acid uric	ml	Hóa chất định lượng Acid uric trong máu. Phương pháp đo Enz - Color	1.250	
112	Bilirubin Total	ml	Hóa chất định lượng Bilirubin Total trong máu. Phương pháp đo DMSO colorimetric	500	
113	Bilirubin Direct	ml	Hóa chất định lượng Bilirubin Direct trong máu. Phương pháp đo DMSO colorimetric	500	
114	Thuốc thử HbA1C (DIRECT HbA1C)	ml	Định lượng HbA1C DIRECT, dùng cho máy sinh hóa tự động	990	
115	Chất hiệu chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CAL)	ml	Chất hiệu chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CAL), dùng cho máy sinh hóa tự động	6	
116	Chất kiểm chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CONTROL)	ml	Chất kiểm chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CONTROL), dùng cho máy sinh hóa tự động	6	
117	Dung dịch rửa base cho máy sinh hóa tự động	ml	Alkaline Solution Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động	7.000	
118	Dung dịch rửa cổng đo cho máy sinh hóa tự động	ml	System solution Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động	3.000	

119	GGT	ml	Hóa chất dùng định lượng GGT trong máu. Phương pháp đo Carbocyl substrate Kinetic	2.250	
120	RF	ml	Hóa chất định lượng RF trong máu, dùng cho máy sinh hóa tự động	300	
121	CRP	ml	Hóa chất định lượng CRP trong máu, dùng cho máy sinh hóa tự động	150	
2. Hóa chất nội kiểm sinh hóa (máy Monarch - 300) - SAT 450					
122	Control Normal	ml	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức bình thường. Dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	300	
123	Control Path	ml	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức cao. Dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	300	
124	SPINTROL "H" Calibtor	ml	Hóa chất chuẩn máy sinh hóa, dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	90	
3. Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa, ngoại kiểm huyết học					
125	Ngoại kiểm Sinh hóa	Hộp	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa. Quy cách: Hộp (6x5ml)	4	
126	Ngoại kiểm Huyết học	Hộp	Hóa chất ngoại kiểm huyết học. Quy cách: Hộp (3x2ml)	8	
4. Hóa chất xét nghiệm huyết học (Hóa chất sử dụng cho máy Micros ES60)					

127	ABX MINIDIL LMG (20L)	Hộp	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	36	
128	ABX MINILYSE LMG (1L)	Hộp	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 1 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	18	

129	ABX MINICLEAN (1L)	Hộp	- Dung dịch trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	36	
130	ABX MINOCLAIR (1L)	Chai	- Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% + Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	4	

131	ABX MINOTROL 16 (2H)	Hộp	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	6	
132	ABX MINOTROL 16 (2L)	Hộp	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	3	

133	ABX MINOTROL 16 (2N)	Hộp	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	6	
134	ABX MINOCAL	Hộp	- ABX Minocal về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minocal chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minocal ổn định trong 1 ngày sau khi mở ống nếu nó được xử lý đúng cách và được để ngay vào tủ lạnh ở 2-8°C (35-46°F) sau khi sử dụng. ABX Minocal phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	3	

135	KIT, MAINTENACE MES/MESV	Hộp	Bộ KIT (MAINTENANCE MES/MESV) bao gồm các linh kiện tiêu hao như ron (O- ring) cao su và dây dẫn silicon, được thiết kế để thay thế định kỳ trong quá trình sử dụng máy.	2	
Tổng cộng: 135 mặt hàng					

Tên đơn vị báo giá
Địa chỉ:
Số điện thoại:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phụ lục 02

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An
Công ty (tên đơn vị báo giá) xin kính gửi Quý Bệnh viện bảng báo giá danh mục Mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026-2027 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An như sau:

BẢNG BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói	Hãng SX - Nước SX	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I. THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM								
1								
2								
.....								
II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM								
	1. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động (Máy Monarch-300) - SAT 450							
1								
2								
.....								
	2. Hóa chất nội kiểm sinh hóa (Máy Monarch-300) - SAT 450							
3								
4								
.....								

	3. Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa, ngoại kiểm huyết học							Page 2
5								
6								
	4. Hoá chất xét nghiệm huyết học (Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60)							
7								
8								
								
Tổng: khoản								

.....,ngày.... thángnăm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

* Báo giá có giá trị đến ngày... thángnăm 2026

Đơn giá này bao gồm các loại thuế và chi phí vận chuyển đến khoa Dược BV YHCT Trần Văn An